

Số: 2451 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 02 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 287/TTr-SNN ngày 29/10/2018 về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Website tỉnh, Website VPUBND tỉnh;
- Lưu VP1, VP11.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**
(Kèm theo Quyết định số: 2451 /QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

I. Thủ tục hành chính ban hành mới:

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy lợi				
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
2	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
3	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.



4	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
5	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
6	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
7	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
8	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

10	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
11	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
13	Cấp lại giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
14	Cấp lại giấy phép tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
15	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
16	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy lợi	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

II	Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật				
1	Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo phân bón. - 01 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp đăng ký hội thảo phân bón. 	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.
2	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chi hoạt động đóng gói phân bón	Trong thời hạn 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Phân vô cơ: 1.200.000 đồng - Phân hữu cơ và phân bón khác: 6.000.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động hóa chất.

3	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	<p>- 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn.</p> <p>- 5 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận.</p>	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2.500.000đ/ chứng nhận	<p>- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.</p> <p>- Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p>
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Không	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 5 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Không	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.
III	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản				
1	Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: 01	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Quản lý chất lượng nông	Không	Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		(một) ngày làm việc. - Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ đầy đủ: 01 (một) ngày làm việc. - Thời hạn bổ sung hồ sơ: 10 (mười) ngày làm việc.	lâm sản và Thủy sản		
IV	Lĩnh vực Phát triển nông thôn				
1	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Phát triển nông thôn	Không	Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn
2	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc		Không	
3	Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc		Không	
V	Lĩnh vực Thủy sản				
1	Thủ tục xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	02 ngày làm việc	Ban Quản lý Cảng cá Nam Định	700.000đồng / lần	- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT. - Thông tư 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

2	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (bao gồm cả giống thủy sản bố mẹ chủ lực nếu được ủy quyền).	<p>+ Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Chi cục Thủy sản xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng.</p> <p>+ Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc), Chi cục Thủy sản có văn bản thông báo về chất lượng. .</p>	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	470.000 đồng + Số lượng mẫu x 80.000 đồng/mẫu.	<p>- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý giống thủy sản.</p> <p>- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC.</p>
3	Chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	02 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<p>- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.</p>
4	Chứng nhận lại sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	02 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<p>- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.</p>

5	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	05 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác; Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/01/2018.
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ. - Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về nhập khẩu tàu cá. - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.
7	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ. - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản. - Điều 10 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP

8	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyên nhượng quyền sở hữu.	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu.	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

12	Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá.	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

14	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán	03 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011.
15	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.	10 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Theo từng hạng mục tại thông tư số 230/2016/T T-BTC	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; - Điều 7, 8, 15 Quyết định số 96/2007/QĐ-BNNPTNT ngày 28/11/2007. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP. - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

16	Cấp giấy phép khai thác thủy sản.	05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	40.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản. - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ NN&PTNT) hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
----	-----------------------------------	---	------------------------------------	---------	---

17	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	20.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005. - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009. - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản. - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (mục 2, 4 phần II). - Thông tư 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
----	--	---	------------------------------------	---------	---

18	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	20.000đ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005. - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1). - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản. - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ NN&PTNT) hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (mục 2, 4 phần II) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006. - Thông tư 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
----	--------------------------------------	---	------------------------------------	---------	---

19	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	07 ngày làm việc	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 02/2007/TT-BTS hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
20	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc.	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. - Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.
21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc thủy sản nuôi	01 ngày làm việc.	Bộ phận “Một cửa” Chi cục Thủy sản	Không	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư số 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 10 năm 2015 quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi.

II. Thủ tục hành chính bãi bỏ:

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy lợi	
1	Thủ tục xác nhận cấp phép khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
2	Thủ tục xác nhận cấp phép để vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông.	
3	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.	
4	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.	
5	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	
6	Thủ tục cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	
7	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có; Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	
8	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư phương tiện; Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; Chôn phế thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	

9	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
10	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
11	Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m; Các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
12	Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ; Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ, tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư phương tiện; Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; Chôn phế thải, chất thải; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
13	Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có; Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
II	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
1	Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm
2	Thủ tục xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm	
3	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc thủy sản nuôi	+ Thông tư số 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 10 năm 2015 quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi. - Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 9/3/2016 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy sản.
III	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y	
1	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản
IV	Lĩnh vực Phát triển nông thôn	
1	Công nhận làng nghề	Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn
2	Công nhận nghề truyền thống	
3	Công nhận làng nghề truyền thống	
V	Lĩnh vực Thủy sản	
1	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn thủy sản.	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản
2	Thủ tục xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	- Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.
3	Thủ tục Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).	- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013
4	Chứng nhận thủy sản khai thác	<i>Khoản 2, 3 Điều 1 Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.</i> Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015

5	Chứng nhận lại thủy sản khai thác	<p>- Điều 1 Thông tư số 02/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013, Thông tư số 62/2008/TT-BNN và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.</p> <p>Điều 8 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác</p>
6	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	Điều 11, 12 Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác
7	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	<p>- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</p> <p>- Điều 15, Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên;</p> <p>- Khoản 2 Điều 5 Thông tư 24/2011/TT-BNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.</p>
8	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	<p>- Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 về nhập khẩu tàu cá.</p> <p>- Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.</p> <p>- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.</p> <p>- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.</p>
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	<p>- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005.</p> <p>- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.</p> <p>- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.</p>

10	Cấp giấy chứng nhận tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Điều 8, 9 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá hoán cải	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên. - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP.
14	Cấp đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản. - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT của Bộ NN và PTNT.

15	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007 về việc ban hành quy chế đăng kiểm tàu cá; - Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP
16	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; - Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản. - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP. - Thông tư số 62/2008/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2008.
17	Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - Nghị định 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản. - Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP. - Thông tư số 62/2008/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2008.
18	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 về sửa đổi một số nghị định về thủy sản.
19	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP. - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.
20	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2018/TT-BNNPTNT về Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do bộ trưởng bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành (Khoản 19, Điều 1)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

I. Thủ tục hành chính ban hành mới cấp huyện:

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy Lợi				
1	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” UBND cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
II	Lĩnh vực Thủy sản				
1	Xác nhận đăng ký tàu cá	Không quy định	Bộ phận “Một cửa” UBND cấp huyện	Không	- Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP. - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

II. Thủ tục hành chính bãi bỏ cấp huyện:

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy sản	
1	Cấp lại giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá: Phân cấp cho các huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Trực Ninh thực hiện đối với tàu cá có tổng công suất máy chính dưới 20CV hoặc tàu cá không lắp máy nhưng có chiều dài thiết kế dưới 15 mét.	- Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP. - Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

I. Thủ tục hành chính ban hành mới cấp xã:

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy lợi				
1	Thủ tục hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận “Một cửa” UBND cấp xã	Không	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.